

Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Nam Hà Tĩnh
Số 22, Đường 10, Phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

Nghệ An, tháng 1 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

3843

NG T
IỂM
TỰ
IÊN

VINH

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Duy Chiến	Chủ tịch	
Ông Trần Mạnh Cường	Thành viên	(Chuyển công tác theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
Ông Võ Ngọc Vinh	Thành viên	(Bổ nhiệm theo Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Mạnh Cường	Giám đốc	(Chuyển công tác theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
Ông Phan Viết Liệu	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Giám đốc	(Giấy ủy quyền số 185/UQ-TLNHT-HĐTV ngày 31/12/2025 của chủ tịch HĐTV và Văn bản số 198/UBND-NC2 ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao phụ trách Công ty cho đến khi hoàn thành việc hợp nhất, chấm dứt hoạt động Công ty)
Bà Trần Thị Phi Nga	Kế toán trưởng	

KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên trong năm và tại ngày lập Báo cáo này là bà Đinh Thị An.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nghệ An, ngày 20 tháng 1 năm 2026

TM. Ban Lãnh đạo

Phó Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

Số: 01.200126/BCKT- ACA MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh được lập ngày 20 tháng 1 năm 2026, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 31/12/2025 và tài sản cố định là Công trình hồ đập kênh mương tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025, chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể khẳng định được số lượng và tình trạng của khoản mục tiền mặt tại ngày 31/12/2025 và khoản mục tài sản cố định là kênh mương hồ đập nêu trên tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, khoản Phải thu ngắn hạn khách hàng chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, số tiền lần lượt là 10.064.467.694 VND và 10.764.454.829 VND. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2025, khoản Trả trước cho người bán ngắn hạn chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, số tiền 285.218.819 VND. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho các phần số dư trên tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan đến khoản mục Vốn khác của chủ sở hữu (Mã 414) tại ngày 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản mục này, cũng như xác định được ảnh hưởng tiềm tàng, nếu có, đến các khoản mục liên quan khác trên báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh, Dự án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi Kê Gỗ (WB3) và Dự án hệ thống thủy lợi Đá Hàn được Công ty ghi tăng nguyên giá tài sản, tăng vốn chủ sở hữu nhưng chưa kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản.



Trần Xuân Linh
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3406-2023-257-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung

Nghệ An, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3337-2025-257-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		32.785.888.286	53.914.607.407
110	I . Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.352.080.825	17.212.199.516
111	1 . Tiền		5.352.080.825	2.712.199.516
112	2 . Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	14.500.000.000
120	II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	14.267.115.086	21.459.495.414
123	1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.267.115.086	21.459.495.414
130	III . Các khoản phải thu ngắn hạn		11.021.457.726	15.097.677.828
131	1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14.368.619.981	10.908.683.612
132	2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	466.977.819	3.643.233.819
136	3 . Phải thu ngắn hạn khác	7	340.016.688	545.760.397
137	4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(4.154.156.762)	-
140	IV . Hàng tồn kho	9	145.234.649	145.234.649
141	1 . Hàng tồn kho		145.234.649	145.234.649
200	B . TÀI SẢN DÀI HẠN		2.891.074.959.997	3.099.580.198.363
220	I . Tài sản cố định		2.885.299.417.997	3.081.328.612.838
221	1 . Tài sản cố định hữu hình	11	2.885.273.321.997	3.081.302.516.838
222	- Nguyên giá		2.959.753.156.480	3.154.259.907.183
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(74.479.834.483)	(72.957.390.345)
227	2 . Tài sản cố định vô hình	12	26.096.000	26.096.000
228	- Nguyên giá		26.096.000	26.096.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	II . Tài sản dở dang dài hạn	10	3.960.728.000	18.251.585.525
242	1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.960.728.000	18.251.585.525
260	III . Tài sản dài hạn khác		1.814.814.000	-
261	1 . Chi phí trả trước dài hạn	13	1.814.814.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.923.860.848.283	3.153.494.805.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		22.993.913.309	35.602.933.663
310	I . Nợ ngắn hạn		22.610.518.471	35.219.538.825
311	1 . Phải trả người bán ngắn hạn	15	4.231.278.504	2.547.267.403
312	2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn		25.000.110	10.075.054.863
313	3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.962.214.647	3.950.352.356
314	4 . Phải trả người lao động		175.960.000	2.059.191.206
315	5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.974.560.000	3.529.511.000
319	6 . Phải trả ngắn hạn khác	18	37.205.277	76.027.224
321	7 . Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	3.169.602.000
322	8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.204.299.933	9.812.532.723
330	II . Nợ dài hạn		383.394.838	383.394.838
338	1 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	383.394.838	383.394.838
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.900.866.934.974	3.117.891.872.107
410	I . Vốn chủ sở hữu	19	2.897.572.524.974	3.117.891.872.107
411	1 . Vốn góp của chủ sở hữu		2.843.760.685.698	3.102.445.061.198
414	2 . Vốn khác của chủ sở hữu		49.593.619.085	3.458.099.813
418	3 . Quỹ đầu tư phát triển		4.218.220.191	9.850.711.096
422	4 . Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	2.138.000.000
430	II . Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.294.410.000	-
431	1 . Nguồn kinh phí	20	3.294.410.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.923.860.848.283	3.153.494.805.770

Nghệ An, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Nguyễn Văn Chung

Trần Thị Phi Nga



Nguyễn Văn Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	55.427.280.436	55.803.974.170
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.427.280.436	55.803.974.170
11	4. Giá vốn hàng bán	22	34.630.323.169	35.537.674.833
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.796.957.267	20.266.299.337
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.000.290.537	1.322.042.136
22	7. Chi phí tài chính		-	5.237.902
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	5.237.902
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	14.351.542.120	11.332.758.458
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.445.705.684	10.250.345.113
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.445.705.684	10.250.345.113
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	844.885.589	1.946.428.363
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.600.820.095	8.303.916.750

Nghệ An, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chung

Trần Thị Phi Nga

Người kiểm soát

Nguyễn Văn Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Theo phương pháp gián tiếp

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	7.445.705.684	10.250.345.113
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	1.522.444.138	2.281.500.588
03	- Các khoản dự phòng	4.154.156.762	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.000.290.537)	(1.322.042.136)
06	- Chi phí lãi vay	-	5.237.902
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	12.122.016.047	11.215.041.467
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(272.880.961)	(8.073.193.222)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(4.027.770.740)	7.932.359.514
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1.814.814.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	(5.237.902)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.946.428.363)	(438.358.801)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	46.800.000	35.100.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(11.516.839.840)	(5.417.483.656)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.409.917.857)	5.248.227.400
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(10.837.816.000)	(4.875.763.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(22.500.000.000)	(40.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	29.840.728.291	35.799.523.764
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.046.886.875	1.119.132.700
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.450.200.834)	(7.957.106.536)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	1. Tiền thu từ đi vay	-	2.360.289.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	-	(2.360.289.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(9.860.118.691)	(2.708.879.136)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	17.212.199.516	19.921.078.652
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	7.352.080.825	17.212.199.516

Nghệ An, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Nguyễn Văn Chung

Trần Thị Phi Nga

Stamp: CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH
MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH
TP. HÀ TĨNH
Stamp: NGUYỄN VĂN THÀNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Nam Hà Tĩnh được thành lập và hoạt động trên cơ sở hợp nhất ba doanh nghiệp là Công ty TNHH MTV: Thủy lợi Kê Gỗ, Sông Rác và Hương Khê theo Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 05/09/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001658799, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2012 và điều chỉnh lần thứ 02 ngày 08/03/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 02 của Công ty là 2.906.213.725.312 VND. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2025 là 2.843.760.685.698 VND.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Quản lý khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, dân sinh và các ngành kinh tế; kinh doanh nước sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn khảo sát xây dựng, lập dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công, tổng dự toán, tư vấn giám sát thi công, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, nuôi trồng thủy sản, giao thông, dân dụng công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Cải tạo, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi, cấp thoát nước.

1.3 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: Số 02, đường Nguyễn Huy Tự, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 317 người (tại ngày 31/12/2024 là 327 người).

2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

2.3 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

(i) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

(ii) Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên, trong đó:

10-C.1
TNHH
ĐẮN
JACA
JNG
THẾ AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các khoản nợ phải thu (tiếp theo)

Nợ phải thu quá hạn thanh toán

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Dự phòng nợ phải thu khó đòi còn được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá xuất hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25 năm
- Máy móc, thiết bị	05-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-15 năm
- Kết cấu hạ tầng (kênh, mương, hồ, đập phục vụ tưới nước, tiêu nước): Không phải trích khấu hao theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.	

2.9 . Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao.

2.10 . Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

(i) Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Nợ phải trả (tiếp theo)

(ii) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh khi mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước, như: Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa, vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất; Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau khi trái phiếu đáo hạn; Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

30843

NG TY
EM T
U V
EN TA

H. T. N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

2.17 . Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

2.18 . Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.19 . Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	590.719.856	550.581.076
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.761.360.969	2.161.618.440
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	14.500.000.000
Tổng	7.352.080.825	17.212.199.516

(*): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, lãi suất 4,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	14.267.115.086	14.267.115.086	21.459.495.414	21.459.495.414
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.267.115.086	14.267.115.086	21.459.495.414	21.459.495.414

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 04 - 08 tháng, lãi suất từ 3,4% đến 4,5% tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	14.368.619.981	10.908.683.612
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Vũng Áng	10.764.454.829	10.064.467.694
- Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh	2.859.482.115	-
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	744.683.037	844.215.918

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	466.977.819	3.643.233.819
- Nguyễn Văn Thọ	225.218.819	225.218.819
- Công ty CP kiến trúc XD và Tài nguyên môi trường GEM Việt Nam	100.000.000	-
- Võ Văn Sơn	60.000.000	60.000.000
- Công ty CP tư vấn XD và PT nguồn nước Đông Trường Sơn	59.759.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	22.000.000	3.358.015.000

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	340.016.688	-	545.760.397	-
- Tạm ứng	8.000.000	-	10.400.000	-
- Lãi dự thu	161.736.639	-	356.680.940	-
- Phải thu khác	170.280.049	-	178.679.457	-

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	(4.154.156.762)	-
Dự phòng phải thu khách hàng	(3.778.570.894)	-
Dự phòng phải thu khác	(90.367.049)	-
Dự phòng trả trước cho người bán	(285.218.819)	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	145.234.649	-	145.234.649	-
Tổng	145.234.649	-	145.234.649	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	-	18.251.585.525
- Công trình trụ sở Công ty	-	18.251.585.525
Sửa chữa	3.960.728.000	-
- Dự án sửa chữa, bảo trì công trình hồ chứa nước Mộc Hương	1.627.409.000	-
- Dự án sửa chữa, cải tạo công trình hồ chứa nước Đập Bùn	2.333.319.000	-
Tổng	3.960.728.000	18.251.585.525

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

- Quyền sử dụng đất Kênh chính Kê Gổ có diện tích 400 m2 được bàn giao theo Quyết định số 59/QĐ-UB ngày 25/03/1997 của UBND huyện Cẩm Xuyên về việc giao đất chuyên dùng cho Công ty Quản lý khai thác Công trình Thủy lợi Kê Gổ sử dụng;
 - Quyền sử dụng đất Trạm thủy lợi Bắc Hà có diện tích 420 m2 được bàn giao theo Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 22/08/1992 của UBND huyện Thạch Hà về việc giao đất chuyên dùng cho Công ty Thủy Nông Kê Gổ.
- (Công ty Quản lý khai thác Công trình Thủy lợi Kê Gổ và Công ty Thủy Nông Kê Gổ là các tên gọi cũ của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Kê Gổ đã được hợp nhất thành Công ty năm 2012).

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn	1.814.814.000	-
- Giá trị còn lại công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.814.814.000	-

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 2

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	4.231.278.504	4.231.278.504	2.547.267.403	2.547.267.403
- Công ty CP xây dựng Phương Đông	682.209.114	682.209.114	-	-
- Công ty TNHH thương mại xây dựng Bình Tài	644.208.000	644.208.000	-	-
- Công ty CP xây dựng và thương mại Thành An	1.492.520.000	1.492.520.000	386.533.813	386.533.813
- Công ty TNHH MTV vận tải 179	484.318.000	484.318.000	-	-
- Phải trả người bán khác	928.023.390	928.023.390	2.160.733.590	2.160.733.590

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025 VND	Số phải nộp VND	Số thực nộp VND	31/12/2025 VND
Thuế GTGT	93.818.395	876.870.522	943.496.982	27.191.935
Thuế TNDN	1.946.428.363	844.885.589	1.946.428.363	844.885.589
Thuế TNCN	-	43.255.776	42.455.776	800.000
Thuế tài nguyên	11.086.780	259.635.360	270.722.140	-
Thuế nhà đất	1.845.054.386	190.318.305	-	2.035.372.691
Thuế khác	53.964.432	89.086.312	89.086.312	53.964.432
Trong đó				
- Trình bày là phải trả	3.950.352.356			2.962.214.647

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	3.974.560.000	3.529.511.000
- Trích trước chi phí xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ Khe Xai	388.120.000	388.120.000
- Trích trước chi phí lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ Tàu Voi	-	394.669.000
- Trích trước chi phí lập quy trình vận hành các hồ chứa nước Khe Sông, Khe Trồi, Khe Giao	435.642.000	435.642.000
- Trích trước chi phí lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (EPP) hồ chứa nước Khe Xai	793.744.000	793.744.000
- Trích trước chi phí xây dựng giá sản phẩm dịch vụ trung chuyển qua hồ Thượng Sông Trí	315.918.000	315.918.000
- Trích trước chi phí tư vấn điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hồ Khe Xai	199.673.000	199.673.000
- Trích trước chi phí lập phương án và cấm mốc chỉ giới hồ Đập Dài	273.134.000	-
- Trích trước chi phí lập phương án và cấm mốc chỉ giới hồ Mộc Hương	364.981.000	-
- Trích trước chi phí tư vấn điều chỉnh quy trình vận hành hồ Bộc Nguyên	199.199.000	-
- Trích trước chi phí tư vấn hồ sơ cấp phép tài nguyên nước hồ Thượng Sông Trí	479.814.000	-
- Các khoản trích trước khác	524.335.000	1.001.745.000

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	37.205.277	76.027.224
- Kinh phí công đoàn	25.888.106	12.944.053
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.317.171	63.083.171

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 3.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	2.843.760.685.698	100,00	3.102.445.061.198	100,00
Tổng	2.843.760.685.698	100,00	3.102.445.061.198	100,00

20 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Nguồn kinh phí tăng trong năm (*)	10.000.000.000	-
Nguồn kinh phí giảm trong năm (**)	(6.705.590.000)	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	3.294.410.000	-

(*) Nguồn NSNN cấp ứng công trình sửa chữa bảo trì hồ chứa nước Mộc Hương và sửa chữa cải tạo hồ chứa nước Đập Bún (được cấp tại Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh).

(**) Hoàn trả lại NSNN theo Biên bản làm việc ngày 17/7/2025 giữa Công ty và các đại diện Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và môi trường, Chi cục Thủy lợi Hà Tĩnh, Sở Nội vụ Hà Tĩnh.

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hoạt động thủy nông	39.389.870.000	40.000.680.000
Doanh thu khai thác nước thô	13.537.410.436	6.174.165.900
Doanh thu phí trung chuyển nước thô hồ Thượng Sông Trí	2.500.000.000	9.629.128.270
Tổng	55.427.280.436	55.803.974.170

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hoạt động thủy nông	25.557.054.600	29.599.965.272
Giá vốn khai thác và trung chuyển nước thô	9.073.268.569	5.937.709.561
Tổng	34.630.323.169	35.537.674.833

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	1.000.290.537	1.322.042.136
Tổng	1.000.290.537	1.322.042.136

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.395.607.408	6.026.994.971
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	162.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.563.000	18.348.000
Chi phí dự phòng tiền lương	-	3.169.602.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.154.156.762	-
Chi phí bằng tiền khác	2.787.214.950	1.955.813.487
Tổng	14.351.542.120	11.332.758.458

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước phục vụ nông nghiệp theo quy định tại Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động khác áp dụng trong năm 2025 là 20%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận trước thuế	7.445.705.684	10.250.345.113
- Lợi nhuận của hoạt động thủy nông	3.221.277.738	518.203.298
- Lợi nhuận của hoạt động khác	4.224.427.946	9.732.141.815
Lợi nhuận tính thuế	7.445.705.684	10.250.345.113
Trong đó:		
- Thu nhập miễn thuế	3.221.277.738	518.203.298
- Thu nhập chịu thuế	4.224.427.946	9.732.141.815
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	4.224.427.946	9.732.141.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	844.885.589	1.946.428.363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

26 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 07/11/2025 UBND tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 2777/QĐ-UBND về việc hợp nhất Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh và Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh thành Công ty TNHH MTV Thủy lợi Hà Tĩnh. Theo đó, việc hợp nhất phải hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động trước ngày 30/01/2026. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, việc hợp nhất chưa được hoàn thành.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
- Tiền lương, thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Thành viên, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên	1.711.750.000	1.679.200.000

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung.

Người lập biểu

Nguyễn Văn Chung

Kế toán trưởng

Trần Thị Phi Nga

Nghệ An, ngày 20 tháng 1 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
T. N. H. H
MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI
NAM HÀ TĨNH
TP. HÀ TĨNH T. HÀ TĨNH

Nguyễn Văn Thành

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (***)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công trình kênh mương hồ đập (***)	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND		VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	161.791.571.750	11.032.980.524	7.414.186.301	62.316.000	2.973.958.852.608	-	3.154.259.907.183
Số tăng trong năm	19.390.268.997	2.312.606.738	4.409.894.279	-	132.484.422.714	144.429.511	158.741.622.239
- Mua sắm mới	-	463.469.000	-	-	-	-	463.469.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	19.390.268.997	1.849.137.738	4.409.894.279	-	-	144.429.511	25.793.730.525
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	132.484.422.714	-	132.484.422.714
Số giảm trong năm	(620.750.950)	-	(848.608.000)	-	(351.779.013.992)	-	(353.248.372.942)
- Giảm khác (**)	(620.750.950)	-	(848.608.000)	-	(351.779.013.992)	-	(353.248.372.942)
Số dư cuối năm	180.561.089.797	13.345.587.262	10.975.472.580	62.316.000	2.754.664.261.330	144.429.511	2.959.753.156.480
Trong đó:							
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	2.233.307.541	1.263.402.524	3.118.719.348	-	-	-	6.615.429.413
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	18.971.222.806	1.294.690.061	4.280.794.125	27.841.181	48.382.842.172	-	72.957.390.345
Số tăng trong năm	2.063.033.838	19.798.000	195.911.100	12.463.200	-	-	2.291.206.138
- Khấu hao trong năm	2.063.033.838	19.798.000	195.911.100	12.463.200	-	-	2.291.206.138
Số giảm trong năm	(217.224.000)	-	(551.538.000)	-	-	-	(768.762.000)
- Giảm khác (**)	(217.224.000)	-	(551.538.000)	-	-	-	(768.762.000)
Số dư cuối năm	20.817.032.644	1.314.488.061	3.925.167.225	40.304.381	48.382.842.172	-	74.479.834.483
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	142.820.348.944	9.738.290.463	3.133.392.176	34.474.819	2.925.576.010.436	-	3.081.302.516.838
Tại ngày cuối năm	159.744.057.153	12.031.099.201	7.050.305.355	22.011.619	2.706.281.419.158	144.429.511	2.885.273.321.997

(*) Công trình hồ đập, kênh mương tăng theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh.

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

(**) Nguyên giá và Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình giảm gồm:

+ Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế Dự án Hồ chứa nước Đá Bạc theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh (Cụ thể: Công ty ghi tăng giá trị tài sản, tăng vốn chủ sở hữu nhưng chưa kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản, tại Quyết định số 1945/QĐ-BQP ngày 31/5/2017 của Bộ Quốc Phòng giao cho Bộ Tư lệnh QK4 tiếp nhận tài sản): Nhà quản lý Hồ Đá Bạc nguyên giá 620.750.950 VND, hao mòn lũy kế 217.224.000 VND; Đường dây điện Nhà quản lý Hồ Đá Bạc nguyên giá 848.608.000 VND, hao mòn lũy kế 551.538.000 VND và Hồ Đá Bạc nguyên giá 81.902.753.751 VND.

+ Giảm nguyên giá Dự án hệ thống thủy lợi Đá Hàn, số tiền 138.841.047.000 VND, theo Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 5043/QĐ-BNN-TC ngày 27/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Giảm nguyên giá Hồ chứa nước Khe Giao huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh do Công ty ghi tăng tài sản dựa vào Báo cáo quyết toán của Sở Tài chính mà chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chưa có thủ tục giao quản lý dự án, số tiền 130.750.008.600 đồng (Theo Báo cáo số 3852/BC-STC ngày 12/9/2023 của Sở Tài chính báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Tiểu dự án Hồ chứa nước Khe Giao thuộc Hệ thống thủy lợi Khe Giao, Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh: số tiền 113.721.925.000 VND).

+ Giảm nguyên giá Dự án đường ứng cứu hồ Kẽ Gổ theo Quyết định số 8039/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành giao Công ty quản lý và sử dụng, số tiền 285.204.641 đồng.

(***) Một số tài sản bao gồm nhà làm việc 3 tầng, nhà làm việc 2 tầng, nhà vệ sinh tại Số 02 Nguyễn Huy Tự, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh (thuộc lô đất đã được bàn giao theo Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi đất do không còn nhu cầu sử dụng đất và có đơn tự nguyện trả lại đất) và Nhà cụm K18 tại xã Kỳ Anh (thuộc lô đất đã được bàn giao theo Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 08/09/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi đất do không còn nhu cầu sử dụng đất và có đơn tự nguyện trả lại đất) chưa được Công ty bàn giao cho đơn vị nhận bàn giao sử dụng đất. Tổng giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 của các tài sản này là 59.652.000 VND (Tổng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2025 lần lượt là 1.003.732.199 VND, 944.080.199 VND).

(****) Trong đó, theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh, có Dự án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi Kẽ Gổ (WB3) (Nguyên giá 775.912.959.418 VND, giá trị còn lại 753.675.439.714 VND) và Dự án hệ thống thủy lợi Đá Hàn (Nguyên giá 352.099.764.800 VND, giá trị còn lại 351.806.548.795 VND) được Công ty ghi tăng nguyên giá tài sản, tăng vốn chủ sở hữu nhưng chưa kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản.

Phụ lục 2 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Vay dài hạn

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các đối tượng khác	383.394.838	-	-	-	383.394.838	-
Tổng	383.394.838	-	-	-	383.394.838	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay dài hạn không xác định được đối tượng phải trả, phát sinh trước thời điểm thành lập Công ty (tại thời điểm các Công ty TNHH MTV được sáp nhập). Công ty đã trình Sở tài chính tỉnh Hà Tĩnh xin hướng dẫn xử lý các khoản vay này ở các Công văn số 738/CT-TV ngày 10/9/2015 và Công văn số 426/TLNHT-TV ngày 20/7/2020.

Phụ lục 3 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.037.994.775.912	3.458.099.813			9.497.536.096		-		-	3.050.950.411.821		
Tăng vốn trong năm trước	195.684.976.900	-	-	-	-	-	-	2.138.000.000	-	197.822.976.900		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	8.303.916.750	-	-	8.303.916.750		
Giảm vốn trong năm trước	(131.234.691.614)	-	-	-	(2.138.000.000)	-	-	-	-	(133.372.691.614)		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.491.175.000	-	(8.303.916.750)	-	-	(5.812.741.750)		
Số dư cuối năm trước	3.102.445.061.198	3.458.099.813			9.850.711.096		-	2.138.000.000		3.117.891.872.107		
Tăng vốn trong năm nay (i)	132.484.422.714	-	-	-	-	-	-	-	-	132.484.422.714		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	6.600.820.095	-	-	6.600.820.095		
Giảm vốn trong năm nay (ii)	(353.248.372.942)	-	-	-	-	-	-	-	-	(353.248.372.942)		
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	-	-	-	444.603.095	-	(6.600.820.095)	-	-	(6.156.217.000)		
Chuyển nguồn vốn góp của chủ sở hữu và vốn khác của chủ sở hữu (iv)	(37.920.425.272)	37.920.425.272	-	-	-	-	-	-	-	-		
Chuyển nguồn Quỹ đầu tư phát triển và Nguồn vốn đầu tư XDCB (v)	-	-	-	-	(6.077.094.000)	-	-	6.077.094.000	-	-		
Chuyển nguồn vốn đầu tư XDCB và vốn khác của chủ sở hữu (v)	-	8.215.094.000	-	-	-	-	-	(8.215.094.000)	-	-		
Số dư cuối năm nay	2.843.760.685.698	49.593.619.085			4.218.220.191		-	-	-	2.897.572.524.974		

(i) Tăng vốn tương ứng với tăng nguyên giá công trình kênh mương, hồ đập theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh.

Phụ lục 3 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(ii) Giám vốn bao gồm:

- + Giám vốn đồng thời giảm nguyên giá dự án Hồ chứa nước Đá Bạc theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh do không đủ điều kiện ghi nhận tài sản: Nhà quản lý Hồ Đá Bạc số tiền 620.750.950 VND; Đường dây điện Nhà quản lý Hồ Đá Bạc số tiền 848.608.000 VND và Hồ Đá Bạc số tiền 81.902.753.751 VND.
- + Giám vốn đồng thời Giảm nguyên giá Hồ chứa nước Khe Giao huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo Kết luận thanh tra số 67/KL-TT ngày 16/12/2025 của Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh do không thuộc Công ty quản lý số tiền 130.750.008.600 VND.
- + Giám vốn đồng thời giảm nguyên giá Dự án đường ứng cứu hồ Kê Gổ theo Quyết định số 8039/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành giao Công ty quản lý và sử dụng số tiền 285.204.641 VND.
- + Giám vốn đồng thời giảm nguyên giá Dự án hệ thống thủy lợi Đá Hàn, số tiền 138.841.047.000 VND, theo Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 5043/QĐ-BNN-TC ngày 27/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

(iii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước như sau:

Kết quả kinh doanh sau thuế	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6,74%	6.600.820.095
Quỹ khen thưởng	83,94%	444.603.095
Quỹ phúc lợi	9,33%	5.540.595.000
		615.622.000

(iv) Công ty giám vốn đầu tư của chủ sở hữu đồng thời tăng vốn khác của chủ sở hữu tương ứng với phần nguyên giá TSCĐ không được đầu tư từ nguồn vốn của chủ sở hữu (số liệu do Công ty theo dõi).

(v) Công ty giảm Quỹ đầu tư phát triển đồng thời tăng vốn đầu tư XD CB và sau đó chuyển toàn bộ số dư nguồn vốn đầu tư XD CB sang vốn khác của chủ sở hữu tương ứng với phần nguyên giá TSCĐ đã đầu tư xây dựng hoàn thành, được đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển (số liệu Công ty tạm tính do chưa có phê duyệt quyết toán của chủ sở hữu).



UBND TỈNH HÀ TĨNH
CÔNG TY TNHH MTV
THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH

Phụ lục số 03

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG NĂM 2025
(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (Tr.đồng)	4.154,2	0
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (Tr.đồng)	4.154,2	0
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (Tr.đồng)	0	0
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D (Tr.đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (Tr.đồng)	0	0
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (Tr.đồng)	0	0
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (Tr.đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (Tr.đồng)	0	0
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D (Tr.đồng)	0	0
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (Tr.đồng)	383,4	383,4
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (Tr.đồng)	0	0
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (Tr.đồng)	0	0
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (Tr.đồng)	0	0
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (Tr.đồng)	383,4	383,4
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (Tr.đồng)	0	0
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (Tr.đồng)	0	0
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (Tr.đồng)	0	0



c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	D (Tr.đồng)	0	0
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	D (Tr.đồng)	0	0
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	D (Tr.đồng)	0	0
6. Vốn điều lệ	D (Tr.đồng)	2.893.354,30	3.105.903,16
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	(Tr.đồng)	3.950,35	2.195,19
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	P (Tr.đồng)	2.304,05	3.428,85
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	P (Tr.đồng)	2.304,05	3.428,85
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	P (Tr.đồng)	0	0
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN	P (Tr.đồng)	0	0
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	P (Tr.đồng)	3.292,19	1.673,69
- Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN	P (Tr.đồng)	0	0
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	D (Tr.đồng)	2.962,21	3.950,35

Ghi chú:

Báo cáo này nằm ngoài báo cáo tài chính của đơn vị. Doanh nghiệp căn cứ vào số liệu theo dõi trên sổ sách kế toán để nhập số liệu vào mẫu biểu.

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Văn Thành

199-C.T.T.N.H.H.
TY
I.H
NH VIÊN
LỢI
TỈNH
T. HÀ TĨNH